

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các điều 117, 122, 385, 401, 407, 408, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 224/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2).

Trụ sở chính: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó Giám đốc trung tâm X - V2 (Theo Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN - CTQT ngày 28/7/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Duy Quang V – chuyên viên xử lý nợ (Theo quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 149.01/2025/UQ-KHCN3-RCC4).

Bị đơn: Vợ chồng ông Đỗ Tiến T1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số E N, thôn C, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về trách nhiệm trả nợ: Vợ chồng ông Đỗ Tiến T1, bà Nguyễn Thị D1 đồng ý nhận trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 26/01/2026 là: 3.798.719.905 đồng (Bằng chữ: *Ba tỷ bảy trăm chín tám triệu bảy trăm mười chín ngàn chín trăm lẻ năm đồng*). Trong đó: nợ gốc: 3.498.328.908 đồng; nợ lãi 300.390.997 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo ngày 26 tháng 01 năm 2026 (ngày 27/01/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2307249808279 ký ngày 07/08/2023, Hợp đồng hợp đồng cho vay số: LN2401251697765 ký ngày 13/03/2024, Hợp đồng hợp đồng cho vay số: LN2503265235047 ký ngày 29/03/2025 và theo quy định Luật các tổ chức tín dụng”.

- Về tài sản đảm bảo: Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2307249808543/R9 ngày 02/08/2023 đối với thửa đất số 1279 tờ bản đồ 38 (2007) diện tích 1405m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V175143 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5133Q4 QSDĐ/444/QĐ(H) do UBND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/06/2002, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 27/01/2016, đất tọa lạc tại số E N, thôn C, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng để đảm bảo thi hành nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay.

2. Về án phí và chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Đỗ Tiến T1, bà Nguyễn Thị D1 cùng nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 53.987.199 đồng (năm mươi ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn một trăm chín mươi chín đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng V1 (do ông Nguyễn Duy Quang V nộp thay) 51.833.833 đồng (năm mươi một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0005673 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng ông Đỗ Tiến T1, bà Nguyễn Thị D1 cùng nhận trả cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) toàn bộ chi phí tố tụng số tiền là 2.000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV2 – Lâm Đồng;
- PTHADS KV2 – Lâm Đồng;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Anh

